

Tỷ lệ chọi lớp 10 Hà Nội tăng cao, THPT Yên Hòa dẫn đầu

18:57 19/04/2026

Kỳ tuyển sinh lớp 10 công lập Hà Nội năm học 2026-2027 ghi nhận mức cạnh tranh tăng mạnh, đặc biệt ở nhóm trường top đầu. THPT Yên Hòa có tỷ lệ chọi cao nhất, trong khi 9 trường khác vượt ngưỡng 2 thí sinh cho mỗi suất học.

Theo dữ liệu đăng ký thi vào lớp 10 trực tuyến, năm nay Trường THPT Yên Hòa có tỷ lệ chọi cao nhất toàn thành phố, đạt mức 1/3,36. Đồng thời, có tới 9 trường ghi nhận tỷ lệ chọi vượt ngưỡng 2, cho thấy áp lực cạnh tranh lớn trong kỳ tuyển sinh năm nay.

Kỳ tuyển sinh lớp 10 công lập tại Hà Nội năm học 2026-2027 đang ghi nhận mức độ cạnh tranh gia tăng rõ rệt, đặc biệt tại các trường THPT top đầu, nơi lượng thí sinh đăng ký vượt xa chỉ tiêu tuyển sinh.

Theo thống kê, đến 0h ngày 18/4, thí sinh Hà Nội đã hoàn tất đăng ký thi trực tuyến. Dữ liệu ghi nhận vào khoảng 23h ngày 17/4 cho thấy số thí sinh đăng ký dự thi xấp xỉ 124.000, tương đương khoảng 84% tổng số học sinh lớp 9 toàn thành phố trong năm học 2025-2026.



Ảnh minh họa

Theo Sở GD&ĐT Hà Nội, nhiều trường có điểm chuẩn cao tiếp tục thu hút lượng lớn nguyện vọng đăng ký, khiến tỷ lệ chọi tăng mạnh so với mặt bằng chung. Cụ thể, Trường THPT Yên Hòa đứng đầu với tỷ lệ chọi 1/3,36. Trường này tuyển 765 học sinh nhưng nhận gần 2.570 nguyện vọng 1, đồng nghĩa với việc trung bình hơn 3 thí sinh cạnh tranh một suất học.

Xếp ngay sau là Trường THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông với tỷ lệ chọi 1/3. Ngoài ra, có 9 trường có tỷ lệ chọi trên 2, gồm: THPT Nguyễn Thị Minh Khai (2,67), Nhân Chính (2,62), Kim Liên (2,59), Phan Đình Phùng (2,54), Trần Phú (2,19), Thăng Long (2,18), Cầu Giấy (2,14), Lê Quý Đôn - Đống Đa (2,09) và Việt Đức (2,01). Đây đều là những trường có truyền thống điểm chuẩn cao và sức hút ổn định qua nhiều năm.

Không chỉ dừng lại ở nhóm trên 2, nhiều trường khác dù có tỷ lệ chọi thấp hơn vẫn duy trì mức cạnh tranh gay gắt, dao động từ 1,78 đến 1,98. Đây cũng là những trường có điểm chuẩn trung bình cao, thường đạt khoảng 7,5 điểm/môn.

Ở chiều ngược lại, một số trường có điểm chuẩn thấp hơn ghi nhận tỷ lệ chọi dưới 1, tức số lượng thí sinh đăng ký chưa vượt chỉ tiêu. Ba trường có tỷ lệ chọi dưới 1 gồm Minh Quang, Đại Cường và Lưu Hoàng, dao động quanh mức 1/0,9.

Một trong những nguyên nhân chính khiến tỷ lệ chọi ở nhóm trường top đầu tăng cao là do thay đổi trong chính sách tuyển sinh năm nay, khi Hà Nội bỏ quy định phân tuyến theo khu vực và điều kiện hộ khẩu. Điều này cho phép học sinh

có học lực tốt tự do lựa chọn trường, dẫn đến xu hướng dồn nguyện vọng vào các trường có danh tiếng.

Với diễn biến này, cuộc đua vào lớp 10 công lập tại Hà Nội năm nay được dự báo sẽ căng thẳng hơn, đặc biệt ở nhóm trường top đầu. Không chỉ cần điểm số cao, thí sinh còn phải có chiến lược đăng ký nguyện vọng hợp lý để tăng cơ hội trúng tuyển.

Dưới đây là thống kê số nguyện vọng, tỷ lệ chọi của 120 trường THPT công lập không chuyên (*con số mang tính tham khảo, tính toán theo dữ liệu trên hệ thống của Sở GD&ĐT Hà Nội từ 23h30 đến 23h50 ngày 17/4*):

TT	Trường THPT	Chỉ tiêu	NV 1	NV 2	NV 3	Tổng NV	Tỷ lệ chọi (NV1/chỉ tiêu)
1	Phan Đình Phùng	720	1.832	32	31	1.895	2,54
2	Phạm Hồng Thái	585	1.139	1.361	309	2.809	1,95
3	Nguyễn Trãi - Ba Đình	688	1.185	1.761	1.344	4.290	1,72
4	Tây Hồ	765	1.387	1.408	641	3.436	1,81
5	Trần Phú	765	1.677	591	48	2.316	2,19
6	Việt Đức	945	1.903	87	28	2.018	2,01
7	Thăng Long	720	1.571	97	24	1.692	2,18
8	Trần Nhân Tông	720	1.287	1.326	151	2.764	1,79
9	Đoàn Kết - Hai Bà Trưng	675	1.200	1.509	975	3.684	1,78
10	Đống Đa	675	1.038	1.312	463	2.813	1,54
11	Hoàng Cầu	540	846	1.881	1.727	4.454	1,57
12	Kim Liên	765	1.980	132	30	2.142	2,59
13	Lê Quý Đôn - Đống Đa	675	1.411	537	39	1.987	2,09
14	Quang Trung - Đống Đa	675	1.174	1.370	364	2.908	1,74
15	Nhân Chính	585	1.530	468	53	2.051	2,62
16	Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	675	1.339	1.644	1.008	3.991	1,98
17	Khương Đình	675	1.148	1.621	1.225	3.994	1,70
18	Khương Hạ	450	702	1.222	885	2.809	1,56
19	Cầu Giấy	720	1.543	938	145	2.626	2,14
20	Yên Hòa	765	2.568	67	29	2.664	3,36
21	Hoàng Văn Thụ	765	1.307	1.104	719	3.130	1,71
22	Trương Định	675	1.138	1.277	700	3.115	1,69
23	Việt Nam - Ba Lan	720	1.141	618	186	1.945	1,58
24	Đỗ Mười	675	926	2.486	2.614	6.026	1,37
25	Ngô Thì Nhậm	720	1.020	573	334	1.927	1,42
26	Ngọc Hồi	675	975	494	358	1.827	1,44
27	Đông Mỹ	675	831	1.615	1.472	3.918	1,23
28	Nguyễn Quốc Trinh	765	801	1.709	1.476	3.986	1,05
29	Nguyễn Gia Thiều	720	1.347	15	15	1.377	1,87
30	Lý Thường Kiệt	675	1.232	995	190	2.417	1,83

